

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-PT

Ngày 24 - 9 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tòng Thị Hiền.

*Các Thẩm phán:* Ông Lò Văn Diệt.

Ông Đỗ Tuấn Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng X. Địa chỉ: Quận D, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 11 năm 2018):* Ông Nguyễn Thế D - Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La.

*Người được ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2020):* Ông Bùi Văn G - Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Công ty Y. Địa chỉ: Số V, đường C, phường TT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Đỗ Bá V - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Nơi ĐKKHKT: huyện T, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2020): Ông Nguyễn Văn H. Địa chỉ: Số P, đường N, xã Đthành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị N. Địa chỉ: huyện T, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Ngọc L. Địa chỉ: 5 huyện T, Thành phố Hà Nội.. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Ngọc Trung A. Địa chỉ: huyện T, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà N, anh L, anh Trung A (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2020): Ông Nguyễn Văn H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn).*

- Bà Đỗ Thị Th. Địa chỉ: Tổ G, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Tổ G, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*4. Người kháng cáo: Anh Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2019, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người được ủy quyền lại trình bày:*

Trong thời gian từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2015, Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La (Viết tắt là X Sơn La) và Công ty Y (Viết tắt là Công ty Y) đã ký 09 hợp đồng tín dụng vay từng lần cụ thể như sau:

1. Hợp đồng số 08/2013/HĐ ngày 13/12/2013 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 05/2014/951210/HĐTD ngày 15/9/2014, số tiền vay 2.560.000.000đ.

2. Hợp đồng số 01/2014/HĐ ngày 23/01/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 06/2014/951210/HĐTD ngày 23/10/2014, số tiền vay 5.000.000.000đ.

3. Hợp đồng số 02/2014/HĐ ngày 12/3/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2015/951210/HĐTD ngày 12/02/2015, số tiền vay 5.000.000.000đ.

4. Hợp đồng số 03/2014/951210/HĐTD ngày 10/4/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2015/951210/HĐTD ngày 12/01/2015, số tiền vay 3.000.000.000đ.

5. Hợp đồng số 04/2014/951210/HĐTD ngày 28/4/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 02/2015/951210/HĐTD ngày 28/01/2015, số tiền vay

950.000.000đ.

6. Hợp đồng số 01/2015/951210/HĐTD ngày 14/02/2015, số tiền vay 1.000.000.000đ.

7. Hợp đồng số 02/2015/951210/HĐTD ngày 21/4/2015, số tiền vay 1.000.000.000đ.

8. Hợp đồng số 03/2015/951210/HĐTD ngày 03/6/2015, số tiền vay 1.000.000.000đ.

9. Hợp đồng số 04/2015/951210/HĐTD ngày 24/6/2015, số tiền vay 1.500.000.000đ.

Tổng số tiền mà X Sơn La cho Công ty Y vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là 22.010.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Y chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi và phí cho X Sơn La theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Dư nợ của Công ty Y tính đến hết ngày 28/7/2019 theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là 16.821.633.000đ. Trong đó: Dư nợ gốc 9.531.306.000đ, dư nợ lãi 7.290.327.267đ.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Y đã thế chấp một số tài sản của Công ty và một số tài sản của bên thứ ba tại X Sơn La theo các hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ ngày 08/10/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Công ty Y (Bên thế chấp) và X Sơn La (Bên nhận thế chấp).

Tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô Kamaz màu ghi BKS 26K - 4242; Xe ô tô tải ben nhãn hiệu Cửu L màu xanh BKS 26K - 7219; Xe ô tô tải Chiến T màu xanh BKS 26K - 4426; Máy xúc bánh lốp hiệu Komatsu PW 100-03M BKS 26LA - 0057; Máy lu rung nhãn hiệu LIUGONG số 26SA - 0025; Dàn máy nghiền đá VLXD công suất 25m<sup>3</sup>/Ka; Máy xúc Komatsu PC 150-3; Máy ủi Komatsu D41P-5. Tổng giá trị tài sản thế chấp 670.000.000đ.

2. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 07/8/2012 giữa ông Đỗ Bá V (Bên thế chấp) và X Sơn La (Bên nhận thế chấp).

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với các thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 389360, BI 389361, BI 389362 và BI 389363 đều mang tên Đỗ Bá V do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 10/5/2012. Tổng giá trị tài sản thế chấp 1.400.000.000đ.

3. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2012/HĐ ngày 22/10/2012 giữa bà Đỗ Thị Th (Bên thế chấp), Công ty Y (Bên vay/ Bên được bảo lãnh) và X Sơn La (Bên nhận thế chấp).

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất có Giấy chứng nhận số V854526 mang tên Đỗ Thị Th do UBND thị xã Sơn La cấp

ngày 14/7/2003 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2012/HĐ ngày 22/10/2012 giữa ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Th, Công ty Y và X Sơn La, giá trị hợp đồng 700.000.000đ.

4. Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba số 01/2013/HĐ ngày 12/10/2013 giữa anh Đỗ Ngọc L (Bên bảo lãnh), Công ty Y (Bên được bảo lãnh) và X Sơn La (Bên nhận bảo lãnh).

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 696394 mang tên Đỗ Ngọc L do UBND quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/11/2012. Tổng giá trị tài sản thế chấp 3.300.000.000đ.

5. Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba số 02/2013/HĐ ngày 22/11/2013 giữa anh Đỗ Ngọc Trung A do bà Lê Thị N là người đại diện theo ủy quyền ký (Bên bảo lãnh), Công ty Y (Bên được bảo lãnh) và X Sơn La (Bên nhận bảo lãnh).

Tài sản thế chấp: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 988688 mang tên Tạ Văn Hạ và Nguyễn Thị Dung do Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội cấp ngày 06/9/2011, ngày 03/10/2011 đã đăng ký sang tên cho anh Đỗ Ngọc Trung A theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 1827.2011/MBN. Tổng giá trị tài sản thế chấp 2.700.000.000đ.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Y đã vi phạm không thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết. Do đó, X Sơn La đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Y phải trả cho X Sơn La tổng số tiền tính đến ngày 31/12/2019 là 17.238.556.792đ gồm: Nợ gốc 9.531.306.000đ; Nợ lãi trong hạn 6.228.929.202đ; Nợ lãi phạt quá hạn 1.478.321.590đ và toàn bộ các khoản phí phát sinh cho đến khi Công ty Y thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết. Trường hợp Công ty Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì X Sơn La đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm của Công ty theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự gồm: Ông Đỗ Bá V - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty Y là người đại diện theo pháp luật của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị N, anh Đỗ Ngọc L, anh Đỗ Ngọc Trung A, bà Đỗ Thị Th, ông Nguyễn Văn T bằng nhiều phương thức quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Cấp, tổng đạt, thông báo qua dịch vụ bưu chính, qua đại diện chính quyền nơi đương sự cư trú và niêm yết công khai để các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng các đương

sự nêu trên đều không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và vắng mặt trong tất cả các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

*Tại bản án sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 20/01/2020, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 4, Điều 292, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại; Các Điều 290, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 336, 342, 343, 344, 349, 351, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 90, 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La đối với Công ty Y. Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Y do ông Đỗ Bá V - Giám đốc Công ty làm đại diện phải trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La do ông Nguyễn Thế D - Giám đốc làm đại diện:

- Khoản tiền nợ gốc: 9.531.306.000đ (Chín tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, ba trăm linh sáu nghìn đồng);

- Khoản tiền lãi trong hạn: 6.228.929.202đ (Sáu tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm linh hai đồng);

- Khoản tiền lãi phạt quá hạn: 1.478.321.590đ (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/12/2019 là: 17.238.556.792đ (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, Công ty Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Y không trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La thì Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La xử lý tài sản cầm cố, thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba, số công chứng 10750.2013/TCTS ngày 22/11/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giữa anh Đỗ Ngọc Trung A (Bà Lê Thị N được ủy quyền ký kết hợp đồng), Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Y và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La.

- Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba, số công chứng 10658.2013/TCTS ngày 12/10/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giữa anh Đỗ Ngọc L, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Y và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2012/HĐ ngày 22/10/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giữa ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Th, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Y và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 07/8/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giữa ông Đỗ Bá V, bà Lê Thị N, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Y và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ ngày 08/10/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giữa Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Y và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La.

Đề thu hồi nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 08/2013/HĐ ngày 13/12/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 05/2014/951210/HĐTD ngày 15/9/2014.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ ngày 23/01/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 06/2014/951210/HĐTD ngày 23/10/2014.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2014/HĐ ngày 12/3/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2015/951210/HĐTD ngày 12/02/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2014/951210/HĐTD ngày 10/4/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2015/951210/HĐTD ngày 12/01/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 04/2014/951210/HĐTD ngày 28/4/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 02/2015/951210/HĐTD ngày 28/01/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/951210/HĐTD ngày 14/02/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/951210/HĐTD ngày 21/4/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2015/951210/HĐTD ngày 03/6/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 04/2015/951210/HĐTD ngày 24/6/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, xử lý chi phí tố tụng, tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án dân sự của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/02/2020, anh Đỗ Ngọc L, ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

*Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/9/2020:*

Người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo ông Nguyễn Văn H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên không đưa ra quan điểm tranh luận về nội dung vụ án, đồng thời xuất trình bản phô tô hộ chiếu của anh Đỗ Ngọc Trung A (Không có công chứng, chứng thực hợp pháp) để chứng minh

trong thời gian ông Đỗ Bá V ký hợp đồng thế chấp tài sản và thời điểm anh Trung A ký hợp đồng ủy quyền cho bà Lê Thị N thì anh Trung A không có mặt tại Việt Nam. Ông H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giám định lại đối với chữ ký của anh Trung A và anh Đỗ Ngọc L trong các hợp đồng nêu trên.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn X Sơn La ông Bùi Văn G có ý kiến cho rằng kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cho rằng không được ký hợp đồng và không được ủy quyền cho ai ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của gia đình ông nên cũng đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần làm rõ một số vấn đề liên quan đến hộ chiếu và yêu cầu giám định đối với chữ ký của anh Đỗ Ngọc Trung A; yêu cầu giám định lại chữ ký của anh Đỗ Ngọc L nên quyết định quay trở lại việc hỏi và tranh luận theo quy định tại các Điều 307, Điều 265 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi tạm ngừng phiên tòa, ngày 23/9/2020, anh Đỗ Ngọc Trung A đã đến Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La để giao nộp bản gốc Hộ chiếu số B6940196 mang tên Đỗ Ngọc Trung A. Tuy nhiên, trong hộ chiếu có một số nội dung chỉ được thể hiện bằng tiếng Anh, không có tiếng Việt. Mặc dù Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã yêu cầu anh Trung A phải xuất trình kèm theo hộ chiếu bản dịch sang tiếng Việt, được công chứng, chứng thực hợp pháp nhưng anh Trung A không thực hiện. Hơn nữa, anh Trung A và anh Đỗ Ngọc L cũng không giao nộp bổ sung tài liệu, mẫu giám định theo yêu cầu tại văn bản giải quyết khiếu nại của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La nên Tòa án không có căn cứ để tiếp tục trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của anh Trung A và anh L trong các đối tượng cần giám định.

*Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/9/2020:*

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn X Sơn La ông Bùi Văn G giữ nguyên ý kiến tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/9/2020.

Ông Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

##### ***[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Tranh chấp giữa nguyên đơn X Sơn La và bị đơn Công ty Y xuất phát từ việc X Sơn La cho rằng Công ty Y chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi và phí theo 09 hợp đồng tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên để cho bị đơn vay tổng số tiền 22.010.000.000đ. Do bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân thành phố Sơn La thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng để giải quyết có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

##### ***[1.2] Về việc trưng cầu giám định tại cấp phúc thẩm:***

Theo yêu cầu của anh Đỗ Ngọc L và anh Đỗ Ngọc Trung A, ngày 08/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La có Quyết định trưng cầu giám định số 09/2020/QĐ-TCGD đối với chữ viết, chữ ký của anh L và anh Trung A trên Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ lập ngày 07/8/2012 giữa bên thế chấp hộ ông Đỗ Bá V và bên nhận thế chấp là X Sơn La và Hợp đồng ủy quyền ngày 17/10/2013 tại Văn phòng công chứng Chiềng Sinh (Số công chứng 114, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên ủy quyền là anh Đỗ Ngọc Trung A và bên nhận ủy quyền là bà Lê Thị N.

Tại Kết luận giám định số 1250 ngày 30/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh có phải do cùng một người ký, viết ra hay không vì chữ viết trên mẫu cần giám định không đủ đặc điểm để truy nguyên và xa thời điểm so với mẫu so sánh.

Ngày 19/8/2020, ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Ngọc L và anh Đỗ Ngọc Trung A có đơn khiếu nại đối với Kết luận giám định số 1250 ngày 30/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La.

Tại Công văn số 766/PC09 ngày 04/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định: Các Giám định viên đưa ra kết luận không đủ cơ sở kết luận



chữ ký, chữ viết trong mẫu cần giám định và chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người ký, viết ra hay không do Cơ quan trung cầu giám định không cung cấp được mẫu so sánh gần với thời điểm các năm 2012, 2013. Sau khi nhận được văn bản nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Ngọc L, Đỗ Ngọc Trung A đến làm việc để đề nghị cung cấp mẫu so sánh theo yêu cầu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La nhưng ông H không có mặt để làm việc với Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/9/2020, ông H xuất trình bản phô tô Hộ chiếu số B6940196 mang tên Đỗ Ngọc Trung A do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 19/7/2012, có giá trị đến ngày 19/7/2012 để chứng minh việc anh Trung A không có mặt tại Việt Nam tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 07/8/2012 và Hợp đồng ủy quyền ngày 17/10/2013 nên kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La là không khách quan và có đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm trung cầu giám định lại đối với chữ ký và chữ viết của anh L, anh Trung A trong các hợp đồng nêu trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu ông H cung cấp bản gốc Hộ chiếu của anh Đỗ Ngọc Trung A.

Vào hồi 09 giờ 45 phút ngày 23/9/2020, anh Trung A đến Tòa án để giao nộp bản gốc Hộ chiếu nêu trên. Tòa án đã yêu cầu anh Trung A làm rõ thông tin về việc xuất nhập cảnh trong khoảng thời gian từ năm 2012 - 2013 nhưng anh Trung A cho rằng do thời gian đã lâu nên không nhớ và không thể giải trình cụ thể về từng lần xuất nhập cảnh. Hơn nữa, trong Hộ chiếu có một số nội dung chỉ được thể hiện bằng Tiếng Anh nên Tòa án đã yêu cầu anh Trung A phải cung cấp bản dịch sang tiếng Việt, có công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đến trước thời điểm mở lại phiên tòa ngày 24/9/2020, anh Trung A không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án. Căn cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự về chứng cứ thì tài liệu do anh Trung A giao nộp nêu trên không được xác định là chứng cứ làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa ngày 24/9/2020, anh L, anh Trung A và ông H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có vi phạm pháp luật; không cung cấp được tài liệu, mẫu so sánh theo yêu cầu tại Công văn số 766/PC09 ngày 04/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đơn đề nghị của ông H về việc trung cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại.

Đối với đơn đề nghị giám định chữ ký ngày 22/6/2020 của ông Nguyễn Văn T: Tòa án cấp phúc thẩm đã 02 lần thông báo yêu cầu ông T nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nhưng ông T không nộp nên không có cơ sở để tiến hành trung cầu giám định theo yêu cầu của ông T.

### ***[1.3] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:***

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 28/4/2020, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28/5/2020. Tại phiên tòa ngày 28/5/2020, do bị đơn ông Đỗ Bá V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị N, anh Đỗ Ngọc Trung A, anh Đỗ Ngọc L và bà Đỗ Thị Th vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 22/6/2020.

Tại phiên tòa ngày 22/6/2020, ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị N, anh Đỗ Ngọc Trung A, anh Đỗ Ngọc L vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa xét xử vụ án nhưng chưa ấn định lại thời gian mở lại phiên tòa.

Ngày 18/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 03/9/2020. Tại phiên tòa ngày 03/9/2020, ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị N, anh Đỗ Ngọc Trung A, anh Đỗ Ngọc L vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 19/9/2020.

Tại phiên tòa ngày 19/9/2020 có 05 người tham gia tố tụng gồm: Ông Đỗ Bá V, Bà Lê Thị N, anh Đỗ Ngọc L, anh Đỗ Ngọc Trung A và bà Đỗ Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy, ông V, bà N, anh L và anh Trung A đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng, ông H có mặt tại phiên tòa nên sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Riêng đối với bà Đỗ Thị Th: Kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều xác định bà Thảo có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nhưng bà Th thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú. Mặc dù Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập và niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đối với bà Th nhiều lần theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Th vẫn vắng mặt.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Th và các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Xét kháng cáo của anh Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Văn T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:**

***[2.1] Đối với vi phạm trong việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:***

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc cấp, tổng đạt,

thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm được thực hiện như sau:

Đối với ông Đỗ Bá V là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; bà Lê Thị N, anh Đỗ Ngọc L, anh Đỗ Ngọc Trung A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các đương sự nêu trên đều cư trú cùng địa chỉ: quận T, Thành phố Hà Nội. Do khoảng cách địa lý nên để đảm bảo các đương sự nhận được văn bản tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt bằng nhiều phương thức như: Thông qua dịch vụ bưu chính; thông qua bà Hoàng Thị T là Tổ phó Tổ dân phố 12 (Tổ dân phố nơi các đương sự cư trú); niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án cấp sơ thẩm và tại trụ sở UBND phường Tô Hiệu là nơi có trụ sở chính của Công ty Y theo Giấy đăng ký kinh doanh là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 175, 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bà Đỗ Thị Th và ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết công khai các văn bản tổng đạt cho bà Thảo và ông T theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, kháng cáo của anh Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Văn T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong việc cấp, tổng đạt thông báo văn bản tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

***[2.2] Về việc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:***

Ngày 15/11/2019, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA, ấn định thời gian mở phiên họp vào hồi 08 giờ ngày 25/11/2019 nhưng do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hoãn phiên họp và ấn định lại thời gian mở phiên họp vào hồi 09 giờ ngày 13/12/2019 theo Thông báo số 02/TB-TA ngày 27/11/2019. Các thông báo mở phiên họp được tổng đạt cho ông V, bà N, anh L, anh Trung A thông qua bà Hoàng Thị T và được niêm yết công khai đối với bà Thảo ông T nhưng tại phiên họp ngày 13/12/2019, các đương sự nêu trên vẫn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, kháng cáo của anh L và ông T cho rằng không được kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là không có căn cứ chấp nhận.

***[2.3] Về việc triệu tập phiên tòa sơ thẩm:***

Ngày 26/12/2019, Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM, ấn định thời gian mở phiên tòa vào 08 giờ 30 phút ngày 10/01/2020. Do ông V có đơn xin hoãn phiên tòa nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 20/01/2020. Quyết định hoãn phiên tòa và thủ tục triệu tập lại được tổng đạt cho ông V, bà N, anh L, anh Trung A thông qua bà Hoàng Thị T; tổng đạt trực tiếp cho ông T vào ngày 15/01/2020 và niêm yết công khai đối

với bà Th nhưng tại phiên tòa ngày 20/01/2020, các đương sự nêu trên tiếp tục vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt những người này là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của anh L cho rằng Tòa án xét xử vắng mặt anh L khi mới triệu tập phiên tòa lần thứ nhất là không có căn cứ chấp nhận.

### **[3] Về nội dung vụ án:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2015, X Sơn La và Công ty Y đã ký kết 09 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng số 08/2013/HĐ ngày 13/12/2013; Hợp đồng số 01/2014/HĐ ngày 23/01/2014; Hợp đồng số 02/2014/HĐ ngày 12/3/2014; Hợp đồng số 03/2014/951210/HĐTD ngày 10/4/2014; Hợp đồng số 04/2014/951210/HĐTD ngày 28/4/2014; Hợp đồng số 01/2015/951210/HĐTD ngày 14/02/2015; Hợp đồng số 02/2015/951210/HĐTD ngày 21/4/2015; Hợp đồng số 03/2015/951210/HĐTD ngày 03/6/2015; Hợp đồng số 04/2015/951210/HĐTD ngày 24/6/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng để cho Công ty Y vay tổng số tiền 22.010.000.000đ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, X Sơn La, Công ty Y và một số người liên quan đã ký 05 hợp đồng thế chấp tài sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng, trong đó có 01 hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty Y (Hợp đồng số 01/2012/HĐ ngày 08/10/2012 giữa Công ty Y và X Sơn La); 01 hợp đồng thế chấp bất động sản là tài sản của ông Đỗ Bá V là người đại diện theo pháp luật của Công ty Y (Hợp đồng số 01/2012/HĐ ngày 07/8/2012 giữa ông Đỗ Bá V và X Sơn La); 03 hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Y gồm: Hợp đồng số 03/2012/HĐ ngày 22/10/2012 giữa bà Đỗ Thị Th, Công ty Y và X Sơn La; Hợp đồng số 01/2013/HĐ ngày 12/10/2013 giữa anh Đỗ Ngọc L, Công ty Y và X Sơn La; Hợp đồng số 02/2013/HĐ ngày 22/11/2013 giữa anh Đỗ Ngọc Trung A do bà Lê Thị N là người đại diện theo ủy quyền ký, Công ty Y và X Sơn La.

#### ***[3.1] Xem xét đối với 09 hợp đồng tín dụng đã ký giữa X Sơn La và Công ty Y, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:***

Các hợp đồng tín dụng nêu trên được Công ty Y và X Sơn La ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký. Sau khi ký các hợp đồng tín dụng, Công ty Y đã được nhận đủ số tiền vay theo thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty Y vi phạm nghĩa vụ của bên vay, không trả nợ gốc, lãi và phí cho X Sơn La đầy đủ, đúng thời hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng đã ký nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của X Sơn La, buộc Công ty Y phải thanh toán cho X Sơn La tổng số tiền tính đến ngày 31/12/2019 là 17.238.556.792đ gồm: Nợ gốc

9.531.306.000đ; Nợ lãi trong hạn 6.228.929.202đ; Nợ lãi phạt quá hạn 1.478.321.590đ và toàn bộ các khoản phí phát sinh cho đến khi Công ty Y thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do Công ty Y và X Sơn La không ai có kháng cáo nên quyết định nêu trên của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3.2] Xem xét đối với kháng cáo của anh Đỗ Ngọc L cho rằng anh và các thành viên trong gia đình gồm bà Lê Thị N và anh Đỗ Ngọc Trung A không được ký vào Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 07/8/2012 giữa ông Đỗ Bá V (Bên thế chấp) và X Sơn La (Bên nhận thế chấp); anh Đỗ Ngọc Trung A không được ủy quyền cho bà Lê Thị N ký Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba số 02/2013/HĐ ngày 22/11/2013 giữa anh Đỗ Ngọc Trung A do bà Lê Thị N là người đại diện theo ủy quyền ký (Bên bảo lãnh), Công ty Y (Bên được bảo lãnh) và X Sơn La (Bên nhận bảo lãnh) thấy rằng:

Tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 07/8/2012 được công chứng tại Văn phòng công chứng Chiềng Sinh vào ngày 09/8/2012 thể hiện dưới mục “Đại diện bên thế chấp” có đầy đủ chữ ký của bà N, anh L, anh Trung A và lời chứng của công chứng viên cũng xác định “Các bên đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng cùng ký tên vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi”.

Tại Hợp đồng ủy quyền ngày 17/10/2013 của anh Đỗ Ngọc Trung A (Bên ủy quyền) cho bà Lê Thị N (Bên được ủy quyền) được công chứng tại Văn phòng công chứng Chiềng Sinh ngày 17/10/2013 thể hiện dưới mục “Bên ủy quyền (Bên A)” có chữ ký của anh Trung A và lời chứng của công chứng viên cũng xác định “Các bên đã tự đọc lại, đồng ý và ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi”.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn T kháng cáo cho rằng ông không được vay tiền của X Sơn La và không được ủy quyền tài sản nhà, đất cho ai. Xét thấy tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2012/HĐ ngày 22/10/2012 giữa bà Đỗ Thị Th (Bên thế chấp), Công ty Y (Bên vay/ Bên được bảo lãnh) và X Sơn La (Bên nhận thế chấp) thể hiện dưới mục “Đại diện bên thế chấp” có đầy đủ chữ ký của bà Thảo, ông T và lời chứng của công chứng viên cũng xác định “Các bên đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng cùng ký tên vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi”.

Hơn nữa, tại Kết luận giám định số 1250 ngày 30/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La xác định không đủ cơ sở để kết luận chữ viết mang tên “L” so với chữ viết của anh Đỗ Ngọc L; chữ viết mang tên “T.Anh” và chữ ký mang tên “Anh” so với chữ viết, chữ ký của anh Đỗ Ngọc Trung A trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người viết, ký ra hay không vì chữ viết

trên mẫu cần giám định không có đủ đặc điểm để truy nguyên và xa thời điểm so với mẫu so sánh còn chữ ký trên mẫu cần giám định khác dạng do với chữ ký trên mẫu so sánh. Mặc dù anh L và anh Trung A không nhất trí với nội dung kết luận giám định nêu trên nhưng không cung cấp được mẫu so sánh cùng thời điểm với mẫu cần giám định và cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh kết luận giám định nêu trên không chính xác hoặc vi phạm pháp luật không có cơ sở để trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại theo yêu cầu của anh L và anh Trung A.

Ngoài ý kiến trình bày nêu trên thì anh L và ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh; bà N và anh Trung A là những người có quyền lợi liên quan trực tiếp đến việc ký vào các hợp đồng nêu trên không kháng cáo và cũng không ủy quyền cho anh L thực hiện việc kháng cáo nên kháng cáo của anh L và ông T về vấn đề này là không có cơ sở chấp nhận.

***[3.3] Xem xét đối với 05 hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa X Sơn La, Công ty Y và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký, đóng dấu (đối với Công ty Y) của các thành phần tham gia giao kết hợp đồng, được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 318, 319, 322, 323, 342, 343, 344, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật.

Theo nội dung các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết thì một trong những trường hợp xử lý tài sản thế chấp (được quy định tại Điều 9 của các hợp đồng) là: Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng mà bên vay/ bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; hoặc bên vay/ bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ của mình theo hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp này dẫn đến việc phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn. Sau khi Công ty Y vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký, mặc dù X Sơn La đã nhiều lần cử cán bộ tín dụng đến làm việc, đồng thời có nhiều văn bản để đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho Công ty Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty Y không thực hiện dẫn đến việc thu hồi nợ của X Sơn La gặp nhiều khó khăn, nợ đọng kéo dài. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của X Sơn La về việc xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 56, 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

**[4]** Từ sự phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm đảm bảo có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Văn T.

**[5] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:**

Do anh Đỗ Ngọc L và anh Đỗ Ngọc Trung A không cung cấp được mẫu

so sánh là chữ viết, chữ ký cùng thời điểm và cùng dạng với mẫu cần giám định nên anh L và anh Trung A phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

#### **[6] Về án phí:**

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo anh L và ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

**[7]** Các quyết định của bản án sơ thẩm về việc xử lý chi phí tố tụng và quyết định án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La như sau:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La về việc buộc Công ty Y phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 31/12/2019 là 17.238.556.792đ (Mười bảy tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng), gồm:

- Khoản tiền nợ gốc 9.531.306.000đ (Chín tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, ba trăm linh sáu nghìn đồng).

- Khoản tiền lãi trong hạn 6.228.929.202đ (Sáu tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm linh hai đồng).

- Khoản tiền lãi phạt quá hạn 1.478.321.590đ (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, năm trăm chín mươi đồng).

**2.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, Công ty Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

**3.** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Y không trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La thì Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La xử lý tài sản cầm cố, thế chấp theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ ngày 08/10/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Công ty Y (Bên thế chấp) và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La (Bên nhận thế chấp).

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 07/8/2012 giữa

ông Đỗ Bá V (Bên thế chấp) và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La (Bên nhận thế chấp).

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2012/HĐ ngày 22/10/2012 giữa bà Đỗ Thị Th (Bên thế chấp), Công ty Y (Bên vay/ Bên được bảo lãnh) và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La (Bên nhận thế chấp).

- Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba số 01/2013/HĐ ngày 12/10/2013 giữa anh Đỗ Ngọc L (Bên bảo lãnh), Công ty Y (Bên được bảo lãnh) và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La (Bên nhận bảo lãnh).

- Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thứ ba số 02/2013/HĐ ngày 22/11/2013 giữa anh Đỗ Ngọc Trung A do bà Lê Thị N là người đại diện theo ủy quyền ký (Bên bảo lãnh), Công ty Y (Bên được bảo lãnh) và Ngân hàng X - Chi nhánh Sơn La (Bên nhận bảo lãnh).

Đề thu hồi nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng số 08/2013/HĐ ngày 13/12/2013 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 05/2014/951210/HĐTD ngày 15/9/2014.

- Hợp đồng số 01/2014/HĐ ngày 23/01/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 06/2014/951210/HĐTD ngày 23/10/2014.

- Hợp đồng số 02/2014/HĐ ngày 12/3/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2015/951210/HĐTD ngày 12/02/2015.

- Hợp đồng số 03/2014/951210/HĐTD ngày 10/4/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2015/951210/HĐTD ngày 12/01/2015.

- Hợp đồng số 04/2014/951210/HĐTD ngày 28/4/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số 02/2015/951210/HĐTD ngày 28/01/2015.

- Hợp đồng số 01/2015/951210/HĐTD ngày 14/02/2015.

- Hợp đồng số 02/2015/951210/HĐTD ngày 21/4/2015.

- Hợp đồng số 03/2015/951210/HĐTD ngày 03/6/2015.

- Hợp đồng số 04/2015/951210/HĐTD ngày 24/6/2015.

#### **4. Về chi phí tố tụng:**

Anh Đỗ Ngọc L và anh Đỗ Ngọc Trung A mỗi người phải chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp theo Phiếu thu tiền số 02 và số 01 ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La (Đã nộp đủ).

#### **5. Về án phí:**

Anh Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0004983 ngày 21/02/2020 đối với anh L và Biên lai thu tiền số



AA/2016/0004974 ngày 18/02/2020 đối với ông T của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, mỗi người còn phải nộp tiếp 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

**6.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2020).

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tòng Thị Hiền**